ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP

Số: 03/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP vào ngày 27/7/2021;

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CỦA TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 với những nội dung chính như sau:

a) Sản lượng phục vụ vận chuyển năm 2020:

	Toàn mạng 21 cảng hàng không			ACV (không bao gồm sản lượng quốc tế tại Cảng HKQT Đà Nẵng và Cam Ranh)		
Nội dung	**2020**	**% so với kế hoạch**	**% so với năm 2019**	**2020**	**% so với kế hoạch**	**% so với năm 2019**
TỔNG HÀNH KHÁCH (triệu hành khách)	**65,2**	**94%**	**56%**	**63,0**	**97%**	**61%**
- Quốc tế	7,4	54%	18%	5,2	54%	18%
- Trong nước	57,8	104%	78%	57,8	104%	78%
TỔNG HÀNG HÓA &	**1.304**	**97%**	**85%**	**1.302**	**98%**	**85%**

	Toàn mạng 21 cảng hàng không			ACV (không bao gồm sản lượng quốc tế tại Cảng HKQT Đà Nẵng và Cam Ranh)		
Nội dung	**2020**	**% so với kế hoạch**	**% so với năm 2019**	**2020**	**% so với kế hoạch**	**% so với năm 2019**
BƯU KIỆN (nghìn tấn)						
- Quốc tế	923	100%	91%	920	100%	92%
- Trong nước	381	91%	72%	381	91%	72%
TỔNG HẠ CẤT CÁNH (nghìn lượt)	**473**	**89%**	**63%**	**458**	**91%**	**69%**
- Quốc tế	85	68%	32%	70	73%	37%
- Trong nước	388	96%	81%	388	96%	81%

b) Kết quả tài chính năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Số liệu Công ty mẹ (tỷ đồng)	Số liệu Hợp nhất (tỷ đồng)
1	Tổng giá trị tài sản (tại ngày 31/12/2020)	56.292	56.902
2	Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2020)	36.982	37.565
3	Tổng doanh thu (từ 01/01/2020 đến 31/12/2020)	10.215	10.012
4	Lợi nhuận sau thuế (từ 01/01/2020 đến 31/12/2020)	1.713	1.642

2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với những nội dung chính như sau:

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
I	**Kế hoạch sản lượng để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh**	
1	Tổng sản lượng hành khách	Khoảng 75 triệu đến 79 triệu khách
2	Tổng sản lượng Hàng hóa – Bưu kiện	1.450 nghìn tấn
3	Hạ cất cánh	557.000 lượt
II	**Kế hoạch tài chính**	
1	Tổng doanh thu	10.564 tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
2	Lợi nhuận trước thuế	2.359 tỷ đồng
3	ROA	3,27%
4	ROE	4,84%

b) Điều chỉnh kế hoạch (nếu có): Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp với thực tế diễn biến của đại dịch Covid-19 và mức độ phục hồi của thị trường.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và định hướng năm 2021 của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020.

1. Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
1	Tổng giá trị tài sản	56.292.375.807.463
2	Vốn chủ sở hữu	36.982.449.139.655
3	Nợ phải trả	19.309.926.667.808
4	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.769.787.476.629
5	Doanh thu hoạt động tài chính	2.432.213.212.869
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.058.308.985.950
7	Lợi nhuận khác	12.348.852.709
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.070.657.838.659
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.712.601.097.361

(Kết quả hoạt động kinh doanh nói trên không bao gồm hoạt động khu bay)

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
1	Tổng giá trị tài sản	56.902.290.813.532
2	Vốn chủ sở hữu	37.565.218.479.887
3	Nợ phải trả	19.337.072.333.645
4	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.767.469.409.673
5	Doanh thu hoạt động tài chính	2.231.498.423.569
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.987.287.901.520
7	Lợi nhuận khác	12.972.382.180
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.000.260.283.700
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.641.546.527.940

(Kết quả hoạt động kinh doanh nói trên không bao gồm hoạt động khu bay)

Điều 5. Thông qua Tờ trình phương án trích lập quỹ năm 2020 và phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)
1.	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất:**	**9.705.052.958.099**
2.	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối:**	**9.164.439.027.423**
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính tổng hợp (Công ty mẹ)	9.164.439.027.423
3.	**Phân phối lợi nhuận**	**9.164.439.027.423**
3.1.	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động (*)	390.360.000.000
3.2.	Trích quỹ thưởng của người quản lý (*)	1.769.040.000
3.3.	Lợi nhuận sau thuế không phân phối (lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính)	230.759.034.566
3.4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**)	8.541.550.952.857

(*): Được thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP;

(**): Hiện nay, ACV đang chờ ý kiến của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phân phối lợi nhuận còn lại và chia cổ tức, do đó,

ACV sẽ thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua nội dung này ngay sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 6. Thông qua Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2020 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.

1. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2020 như sau:

- Quỹ tiền lương: 14.152.320.000 đồng
- Quỹ tiền thưởng: 1.769.040.000 đồng

Quỹ tiền lương và quỹ tiền thưởng trên được xác định chung cho 11,6 người quản lý (tính bình quân số người theo tháng), gồm: 4 thành viên Hội đồng quản trị, 3,6 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát và 2 Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.

2. Thông qua Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

- Quỹ tiền lương: 15.883.179.312 đồng

Quỹ tiền lương trên được xác định chung cho 13 người quản lý (tính bình quân số người theo tháng) gồm: 5 thành viên Hội đồng quản trị, 4 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát và 2 Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.

Điều 7. Thông qua Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị gồm các Ông/Bà có tên sau:

- Ông: Lại Xuân Thanh
- Ông: Vũ Thế Phiệt
- Ông: Đào Việt Dũng
- Bà: Lê Thị Diệu Thúy
- Ông: Nguyễn Tiến Việt
- Ông: Lê Văn Khiên
- Bà: Nguyễn Thị Hồng Phượng

2. Thành viên Ban kiểm soát gồm các Ông/Bà có tên sau:

- Bà: Huỳnh Thị Diệu
- Ông: Nguyễn Hữu Phúc
- Ông: Lương Quốc Bình

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP biểu quyết thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và toàn thể cổ đông Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP

Lại Xuân Thanh

Nơi nhận:
- Như Điều 9;
- UBQLVNN tại DN;
- UBCKNN; HNX;
- Phòng ĐKKD TP. HCM;
- Lưu VT.